

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **369/2021/HN-ST**

Ngày: 10/12/2021

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên.**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Trần Văn Sượn**

+ Ông **Cao Tấn Hiệu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Văn Nguyễn** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 230/2021/TLST-HN ngày 24/5/2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2021/QĐST-HN ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Thái Thị Thu T** – sinh năm: 1993 (xin vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Võ Minh D** - sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị **Thái Thị Thu T** trình bày: chị và anh **D** sống chung năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, anh **D** không lo cho gia đình, vợ con, thường xuyên đánh đập. Chị và anh **D** ly thân đã 2 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh **D**.

- Về con chung: có 01 cháu tên **Võ Thành V**, sinh ngày 10/12/2017 hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh **D** cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn anh Võ Minh D vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Thu T. Về con chung: giao cháu Võ Thành V, sinh ngày 10/12/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Thái Thị Thu T và anh Võ Minh D sống chung năm 2017 và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh D và bị đơn anh D hiện cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Thái Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[3] Bị đơn anh Võ Minh D mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Thu T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tình cảm: chị T yêu cầu ly hôn với anh D. Nguyên nhân ly hôn chị T trình bày là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, bên cạnh đó anh D không lo cho gia đình, không quan tâm vợ con, thường xuyên đánh đê. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được và hiện nay chị và anh D ly thân từ năm 2019 đến nay. Phía anh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T, điều này chứng tỏ anh không còn thiết tha gì đến tình cảm vợ chồng cũng như xây dựng hạnh phúc gia đình với chị T, trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau, cho thấy cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn xảy ra. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T anh D không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh D là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: có một cháu tên Võ Thành V, sinh ngày 10/12/2017. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu V hiện đang sống ổn định với chị T và anh D cũng không thể hiện ý kiến của mình về vấn đề con chung giữa anh chị nên tiếp tục giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng và chăm sóc.

[6] Về vấn đề cấp dưỡng: chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu V theo quy định pháp luật là phù hợp nên cần buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi, lao động được. Mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu ($\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu tại thời điểm xét xử là 745.000 đồng/ tháng). Thời gian cấp dưỡng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[9] Về án phí: chị T, anh D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Thu T.

[1] Về tình cảm: chị Thái Thị Thu T được ly hôn với anh Võ Minh D.

[2] Về con chung: Giao cháu Võ Thành V, sinh ngày 10/12/2017 cho chị Thái Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh Võ Minh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi, lao động được. Mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu (**$\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu tại thời điểm xét xử là 745.000 đồng/ tháng**). Thời gian cấp dưỡng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không thực hiện theo quyết định nêu trên thì hàng tháng anh D còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền cấp dưỡng tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về án phí: chị Thái Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004906 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong án phí.

Anh Võ Minh D chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Thị Cẩm Tiên